

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày: 31 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Bản

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải
2. Bà Lý Thu Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 49/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23 tháng 6 năm 1987 tại: Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Con ông: Nguyễn Chí T; Con bà: Phạm Thị B; Vợ: Trần Thị D và 01 con Tiền án, tiền sự: Không.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2020 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quyết định số 33359 ngày 08/7/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T đến nay.

(có mặt)

Bị hại: Công ty Cổ phần TM và DV tổng hợp An Bình

Địa chỉ: 169 Chùa L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hoài P; sinh năm 1983.
Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty CP T5.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Duy Thế M; sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A thôn C, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội;

(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Duy Thế M; sinh năm 1984

Địa chỉ: Số A thôn C, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội;

Tạm trú: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(có mặt)

2. Anh Trần Văn T1; sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(có mặt)

3. Ông Nguyễn Chí T; sinh năm 1953

Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(có mặt)

4. Chị Trần Thị D; sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt)

Người làm chứng:

1. Lê Văn H; sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

(có mặt)

2. Chu Ba D1; sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt)

3. Trương Xuân Q sinh năm 1979

Nơi thường trú: Tổ dân phố A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

Nơi tạm trú: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 ngày 06/3/2023, tại xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh T, bắt quả tang đối với Nguyễn Văn S sinh ngày 23/6/1987, trú tại xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên có hành vi vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ, vật

chứng thu giữ của S gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ware RSX mang biển số 99H1 – 053.24; 22 túi nylon bên trong mỗi túi có 10 thỏi trụ tròn có cùng kích thước dài 25cm, đường kính 3,2cm Sinh khai nhận là thuốc nổ công nghiệp AD1 (Niêm phong T) có tổng khối lượng 44kg; 02 túi nylon chứa 02 cuộn dây cháy chậm màu đen, một dây dài 38m và một dây dài 48m (Niêm phong D); một túi nylon đựng 20 vật trụ tròn vỏ kim loại màu trắng dài 04cm Sinh khai là kíp nổ (Niêm phong K) cùng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REDMI gắn sim thuê bao số 0399.343.553 (Niêm phong Đ); Số tang vật trên do S vận chuyển để bán cho người tên T2 thì bị phát hiện bắt giữ. Khám xét nơi ở của S không phát hiện thu giữ được đồ vật gì.

Vụ việc được Cơ quan cảnh sát điều tra chuyển đến Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh T thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Mở rộng điều tra đến ngày 07/3/2023 cơ quan An ninh Điều tra đã khám xét tại hầm lò nơi bị cáo làm việc thu thêm 04 kg thuốc nổ mà bị cáo đã cất giấu từ trước chưa mang đi tiêu thụ. Tổng là 48kg thuốc nổ, 86m dây cháy chậm, 20 kíp nổ.

Các kết quả giám định cho thấy; tất cả đều là vật liệu nổ, loại thuốc nổ công nghiệp Amônít, hiện còn sử dụng được.

Cụ thể:

- Tại bản kết luận giám định số 485/KL - KTHS ngày 14/3/2023 của Phòng K - Công an tỉnh T kết luận: 22 vật hình trụ có đặc điểm tương đồng được niêm phong ký hiệu T1 là vật liệu nổ, loại thuốc nổ công nghiệp Amonit; 04 vật hình trụ có đặc điểm tương đồng, đều có vỏ bằng kim loại màu bạc, niêm phong ký hiệu C0031509927 là vật liệu nổ, loại kíp nổ đốt, có tác dụng kích nổ thuốc nổ; 0,5 mét dây màu đen, niêm phong ký hiệu C0031509928 và 0,5 mét dây màu đen, niêm phong ký hiệu C0031509929 đều là vật liệu nổ, loại dây cháy chậm, có tác dụng dẫn lửa gây nổ kíp nổ. Tất cả số vật liệu nổ công nghiệp trên hiện còn sử dụng được.

- Tại bản kết luận giám định số 517/KL-KTHS ngày 23/3/2023 Phòng K - Công an tỉnh T kết luận: 02 vật hình trụ có đặc điểm tương đồng, được niêm phong ký hiệu NS1.1901331 là vật liệu nổ, loại thuốc nổ công nghiệp Amônít, hiện còn sử dụng được.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn S như sau: Nguyễn Văn S là công nhân lao động hợp đồng có thời hạn của Công ty Cổ Phần K1 (Công ty K1 - địa chỉ: xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang), được phân công làm việc tại hầm lò 270 của Mỏ chì kẽm Thành Cóc thuộc quyền quản lý, khai thác của Công ty cổ phần T5 (Công ty T5 - địa chỉ: số A Chùa L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội). Công ty T5 được cấp phép khai thác mỏ và vật liệu nổ công nghiệp phục vụ khai thác mỏ, đồng thời ký hợp đồng hợp tác với Công ty K1 trong quản lý, khai thác Mỏ Thành C. Để điều hành công

việc khai thác mỏ, Công ty T5 bổ nhiệm Duy Thế M (sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú xã S, huyện H, thành phố Hà Nội) làm Giám đốc điều hành, kiêm Chỉ huy nổ mìn Mỏ Thành C có trách nhiệm quản lý, duyệt cấp phát vật liệu nổ công nghiệp của Công ty phục vụ khai thác tại mỏ. Ngày 01/3/2023, có người nam giới tên T2 dùng số điện thoại 0967180525 liên lạc với S (dùng số 0989860280) đặt mua vật liệu nổ và S đồng ý. Để có vật liệu nổ bán cho T2, S nảy sinh ý định chiếm đoạt vật liệu nổ của Công ty T5 đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện hành vi trên, trong mỗi lần khai thác mỏ S đã đề xuất Duy Thế M cấp phát vật liệu nổ công nghiệp bao gồm thuốc nổ, kíp nổ và dây cháy chậm phục vụ việc nổ mìn khai thác mỏ tại hầm lò 270 của Mỏ Thành C với định lượng nhiều hơn so với nhu cầu thực tế sử dụng, rồi lén lút cất giấu phần dư thừa, chiếm đoạt.

Cụ thể: Từ ngày 02/3/2023 đến ngày 04/3/2023, S được M duyệt cấp phát 70 cốp thuốc nổ AD1, 75 kíp nổ đốt, 100 mét dây cháy chậm để S sử dụng nổ mìn khai thác quặng, trên thực tế Sinh đã lén bớt lại và chiếm đoạt được 16 cốp thuốc nổ AD1 (32kg), 09 kíp nổ đốt và 48 mét dây cháy chậm rồi cất giấu bên trong hầm lò 270 của Mỏ Thành C. Khoảng 14 giờ ngày 04/3/2023, S lấy 11 cốp thuốc nổ, 48 mét dây cháy chậm cho vào trong bao tải rồi dùng xe mô tô nhãn hiệu Genie, biển kiểm soát 14K6 - 9741 là xe Sinh mượn của ông Nguyễn Chí T (sinh năm 1954, bố đẻ của S) vận chuyển về cất giấu tại vườn chè trước cửa nhà S thuộc xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Số vật liệu nổ công nghiệp còn lại (05 cốp thuốc nổ, 09 kíp nổ đốt) Sinh tiếp tục cất giấu tại hầm lò 270.

Ngày 05/3/2023, S tiếp tục đến mỏ T để làm việc, trong buổi tối 05/3/2023 và buổi trưa 06/3/2023, S tiếp tục đề nghị M và được duyệt cấp phát 21 cốp thuốc nổ AD1(42kg), 40 kíp nổ đốt và 100 mét dây cháy chậm cho S sử dụng nổ mìn tại hầm lò 270, S thực hiện việc nổ mìn đã lén bớt lại, cất giấu được 08 cốp thuốc nổ (16kg), 11 kíp nổ đốt và 38 mét dây cháy chậm. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/3/2023, S sử dụng điện thoại thuê bao 0399343553 (trước đó Sinh mượn của vợ là Trần Thị D) gọi điện thoại cho T2 thông báo đã lấy được 22 cốp thuốc nổ, 02 cuộn dây cháy chậm và 20 chiếc kíp nổ đốt, đồng thời thỏa thuận với T2 giá bán số vật liệu nổ trên là 4.400.000đ, hẹn đến chiều cùng ngày sẽ mang số vật liệu nổ trên về Thái Nguyên bán cho T2.

Thực hiện ý định trên khoảng 13 giờ ngày 06/3/2023, S mượn chiếc xe mô tô Wave RSX, biển kiểm soát 99H1 - 053.24 của Trần Văn T1 (anh T1 không biết mục đích của S vận chuyển vật liệu nổ) vận chuyển 11 cốp thuốc nổ, (còn lại 02 cốp Sinh cất giấu tại hầm lò 270), 38 mét dây cháy chậm, 20 kíp nổ đã chiếm đoạt được cho vào bao tải rồi mang về Thái Nguyên bán cho T2. Khi về đến nhà, S lấy số vật liệu nổ đã chiếm đoạt trước đó cất giấu ở vườn chè và số vật liệu nổ Sinh vừa chiếm đoạt được có tổng cộng là 22 cốp thuốc nổ AD1, 20 kíp, 86 mét dây cháy chậm mang đi bán cho T2 như đã hẹn. Khi S đi đến đoạn đường thuộc xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì bị Cơ quan Công

an kiểm tra phát hiện bắt giữ, sau đó Cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ thêm được 02 cốp thuốc nổ (04kg) còn lại của S chiếm đoạt, cất giấu tại hầm lò 270 của Mỏ Thành C.

Mặt khác quá trình điều tra cũng không có căn cứ xác định Duy Thế M đã cố ý cấp thừa vật liệu nổ để S chiếm đoạt, M cũng không biết mục đích chiếm đoạt vật liệu nổ của S nên không bị xem xét xử lý với vai trò đồng phạm với S.

Về hoàn cảnh điều kiện kinh tế của bản thân: Bị cáo Nguyễn Văn S không có tài sản gì có giá trị.

***Vật chứng của vụ án:** Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang và trong quá trình điều tra gồm: 22 túi nilon bên trong mỗi túi có 10 thỏi trụ tròn có cùng kích thước dài 25cm, đường kính 3,2cm (Niêm phong T) có tổng khối lượng 44kg; 02 túi nilon chứa 02 cuộn dây cháy chậm màu đen, một dây dài 38m và một dây dài 48m (Niêm phong D); một túi nilon đựng 20 vật trụ tròn vỏ kim loại màu trắng dài 04cm là kíp đốt nổ (Niêm phong K); cùng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REDMI gắn sim thuê bao số 0399.343.553 (Niêm phong Đ); 02 túi nilon mỗi túi đựng 10 thỏi hình trụ thuốc nổ công nghiệp do Sinh cất giấu tại hầm lò 270 (Niêm phong T20) có khối lượng 04kg; 01 xe mô tô biển kiểm soát 20H1- 053.24

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSTN - P1 ngày 31/7/2023, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “Tàng trữ, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: số vật chứng không còn giá trị sử dụng

Hoàn trả cho chủ sở hữu:

Trả lại cho chị Trần Thị D 01 niêm phong theo ký hiệu D44, trên mép có chữ ký của Nguyễn Văn S cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T bên ngoài ghi: Điện thoại di động Redmi tạm giữ của Nguyễn Văn S ngày 06/3/2023.

Trả lại anh Trần Văn T1 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX biển kiểm soát 99H1- 053.24 số máy 5162548; số khung : Y679262

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Do hám lợi nên trong khi thi hành nhiệm vụ bị cáo đã lợi dụng công việc được giao trong các ngày từ 02/3/2023 đến ngày 06/3/2023, Nguyễn Văn S đã gian dối, đề xuất với Công ty T5 cấp phát vật liệu nổ công nghiệp để khai thác mỏ bao gồm thuốc nổ công nghiệp Amonit (AD1), kíp nổ đốt và dây cháy chậm với số lượng nhiều hơn so với nhu cầu thực tế sử dụng sau đó cất giấu, chiếm đoạt phần dư thừa được tổng số 48kg thuốc nổ AD1, 20 chiếc kíp nổ đốt, 86 mét dây cháy chậm. Đến ngày 06/3/2023, S vận chuyển số vật liệu nổ chiếm đoạt được từ nơi ở của mình thuộc xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mang đi bán, khi đi đến khu vực xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang thu giữ của S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX mang biển số 99H1 – 053.24; 44kg thuốc nổ công nghiệp, 20 chiếc kíp nổ đốt, 86m dây cháy chậm và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REDMI gắn sim thuê bao số 0399.343.553. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra hầm lò 270 M phát hiện thu giữ 04kg thuốc nổ công nghiệp mà S đã chiếm đoạt, cất giấu nhưng chưa mang đi tiêu thụ được.

Với hành vi nêu trên của Nguyễn Văn S đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Tàng trữ, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ”

Nội dung của điều luật cụ thể như sau;

Điều 305. Tội tàng trữ, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ.

“1. Người nào...tàng trữ,... mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Thuộc nổ các loại từ 30 kilôgam đến dưới 100 kilôgam”

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vật liệu nổ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể năm 2020 bị cáo bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tại tòa người đại diện cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải nên khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Vật chứng vụ án:

- 01 bao tải màu trắng, 01 bao tải màu vàng niêm phong ký hiệu C0031509915 xác định vật không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Cần trả lại cho chị Trần Thị D 01 niêm phong theo quy định ký hiệu D44, trên mép có chữ ký của Nguyễn Văn S cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T bên ngoài ghi: Điện thoại di động Redmi tạm giữ của Nguyễn Văn S ngày 06/3/2023.

- Cần trả lại anh Trần Văn T1 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX biển kiểm soát 99H1- 053.24 số máy 5162548; số khung : Y679262.

Bởi lẽ trước khi cho bị cáo hỏi mượn điện thoại, xe máy cả chị D và anh T1 bị cáo không nói trước mượn để sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chị D và anh T1 quản lý sử dụng là có căn cứ.

[6]. Hình phạt bổ sung và án phí: Bị cáo không có thu nhập, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[7]. Trong vụ án này: Nguyễn Văn S khai có người đàn ông tên T2 đặt mua vật liệu nổ công nghiệp với S nhưng không biết lai lịch, họ tên địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ; Đối với Công ty T5 và Duy Thế M có vi phạm trong việc đôn đốc, giám sát, sử dụng lao động không đủ trình độ, chuyên môn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, cấp vật liệu nổ không lập phiếu lệnh, hộ chiếu nổ mìn là vi phạm hành chính. Những vi phạm trên của Công ty T5 và Duy Thế M đã bị Cơ quan điều tra kiến nghị Sở công thương tỉnh T xem xét xử phạt hành chính theo Nghị định 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ”

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S **08** (T3) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2023. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải màu trắng, 01 bao tải màu vàng niêm phong ký hiệu C0031509915.

2.2. Trả lại cho chị Trần Thị D 01 niêm phong theo ký hiệu D44, trên mép có chữ ký của Nguyễn Văn S cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T bên ngoài ghi: Điện thoại di động Redmi tạm giữ của Nguyễn Văn S ngày 06/3/2023.

2.3. Trả lại anh Trần Văn T1 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX biển kiểm soát 99H1- 053.24 số máy 5162548; số khung : Y679262

(Vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 88 ngày 24/7/2023 giữa Cơ quan ANĐT với Cục THADS tỉnh T.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC, TANDCC;
- Sở tư pháp;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản